

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-07-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đình Hùng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Trọng và ông Mai Văn Ánh.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại TAND huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 59/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Chánh T, sinh năm 1983; nơi cư trú: 31A./1.D2, tổ F, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị Thúy K, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2024, ông Nguyễn Văn Chánh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Chánh T và bà Trương Thị Thúy K yêu nhau tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị vào ngày 11 tháng 10 năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại Phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc như bao cặp vợ chồng khác, cho đến năm 2021 thì bà K về quê tại Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị sinh đứa con thứ 2 lúc này thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, đã nhiều lần cả hai muốn hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn vợ chồng cứ lặp đi lặp lại nhiều lần, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay, ông T nhận thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được mục đích, hai người không còn yêu thương nhau nữa.

Vì vậy, ông **T** viết đơn đề nghị TAND huyện Triệu Phong cho ông được ly hôn chị **Trương Thị Thúy K**

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu: **Nguyễn Bảo L**, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2017 và cháu **Nguyễn Gia L1**, sinh ngày 04 tháng 05 năm 2021. Hiện nay, cả 02 (hai) con chung đang sống với bà **K** tại **thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị**. Khi ly hôn ông **T** có nguyện vọng giao cả 02 (hai) con chung là **Nguyễn Bảo L** và **Nguyễn Gia L1** cho bà **K** trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng và ông **T** không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 02/7/2024, bà Trương Thị Thúy K trình bày:

- Về tình cảm: Bà **K** và ông **Nguyễn Văn C** Tánh yêu nhau tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị** vào ngày 11 tháng 10 năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại **phường L, Thành Phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng cho đến năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và bà **K** về quê tại **thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị**, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, đã nhiều lần cả hai muốn hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn vợ chồng cứ lặp đi lặp lại nhiều lần, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay, bà **K** nhận thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được mục đích, hai người không còn yêu thương nhau nữa nên ông **T** yêu cầu ly hôn thì bà **K** đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu **Nguyễn Bảo L**, sinh ngày 26/10/2017 và cháu **Nguyễn Gia L1**, sinh ngày 04/5/2021. Bà **K** đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung và không yêu cầu ông **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại xác minh ngày 12 tháng 6 năm 2024, ông Trương Đ và bà Lê Thị B (bố, mẹ của chị Trương Thị Thúy K) trình bày:

Ông **Nguyễn Văn Chánh T** và bà **Trương Thị Thúy K** kết hôn năm 2017 tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị**. Sau khi kết hôn, ông **T** và bà **K** sinh sống tại **thành phố B, tỉnh Đồng Nai**. Khoảng tháng 3/2021, bà **K** cùng với cháu **Nguyễn Bảo L**, sinh ngày 26/10/2017 về sinh sống với gia đình từ đó cho đến nay. Khi bà **K** về sinh sống với gia đình thì thỉnh thoảng ông **T** có về thăm bà **K** và con chung.

Về con chung giữa ông **T** và bà **K** có hai con chung là cháu **Nguyễn Bảo L**, sinh ngày 26/10/2017 và cháu **Nguyễn Gia L1**, sinh ngày 04/5/2021. Hiện hai cháu đang ở cùng với gia đình ông **Đ**, bà **B** và bà **K**. Cháu **Nguyễn Bảo L** đang học lớp 2 – **Trường Tiểu học T1**, cháu **Gia L1** đang học **Trường mầm non T1**. Nếu ông **T** và bà **K** ly hôn thì ông **Đ** và bà **B** đồng ý cho bà **K** và hai cháu sinh sống với gia đình.

- **Cháu Nguyễn Bảo L trình bày:** Cháu là con của bố **Nguyễn Văn Chánh T** và mẹ **Trương Thị Thúy K**. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở

với mẹ **Trương Thị Thúy K.**

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị trình bày ý kiến:**

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Văn Chánh T** được ly hôn với bà **Trương Thị Thúy K.**

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu **Nguyễn Bảo L**, sinh ngày 26/10/2017 và cháu **Nguyễn Gia L1**, sinh ngày 04/5/2021 cho bà **Trương Thị Thúy K** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông **Nguyễn Văn Chánh T** không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Ông **Nguyễn Văn Chánh T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông **Nguyễn Văn Chánh T** và bà **Trương Thị Thúy K** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11/10/2017 tại **UBND Xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị**. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông **T** và bà **K** là hợp pháp. Nay, ông **T** khởi kiện yêu cầu ly hôn bà **K** nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS để xem xét giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông **Nguyễn Văn Chánh T**, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, ông **T** và bà **K** sinh sống tại **thành phố B, tỉnh Đồng Nai**. Khoảng tháng 3/2021, bà **K** cùng với cháu **Nguyễn Bảo L**, sinh ngày 26/10/2017 về sinh sống với gia đình từ đó cho đến nay. Ông **T** và bà **K** đều thừa nhận là từ khi bà **K** về quê thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn

nhưng mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Ông T và bà K đều trình bày ý kiến là thuận tình ly hôn.

Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện, yêu thương, giữ gìn hạnh phúc bên nhau nhưng giữa ông T và bà K không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; ông T và bà K đã không sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Vì vậy, cuộc sống hôn nhân giữa ông T và bà K đã trầm trọng, không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T để xem xét cho ông T được ly hôn đối với bà K.

[3]. Về con chung: Ông T và bà K có hai con chung là cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 26/10/2017 và cháu Nguyễn Gia L1, sinh ngày 04/5/2021. Nếu ly hôn, ông T và bà K đều thống nhất giao hai con chung cho bà K nuôi dưỡng.

Thấy rằng, hiện nay các cháu đang ở cùng với bà K và bố mẹ bà K. Đồng thời, cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 26/10/2017 có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của các cháu thì cần giao quyền nuôi con chung cho bà K chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T và bà K đều thống nhất giao hai con chung là cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 26/10/2017 và cháu Nguyễn Gia L1, sinh ngày 04/5/2021 cho với bà K nuôi dưỡng và ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Thấy rằng, sự thống nhất này là tự nguyện và hợp pháp nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Chánh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 BLTTDS; các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Chánh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Chánh T được ly hôn với bà Trương Thị Thúy K.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 26/10/2017 và cháu Nguyễn Gia L1, sinh ngày 04/5/2021 cho bà Trương Thị Thúy K nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn Chánh T không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không có nghĩa vụ nuôi con có quyền thăm non, chăm sóc con chung và không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Chánh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000159 ngày 01/7/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Ông Nguyễn Văn Chánh T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Chánh T và bà Trương Thị Thúy K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- CCTHADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Triệu Trạch;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Hùng